

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

***Báo cáo của Hội đồng Quản trị***

***Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính***

***Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012***

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2012	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 26

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch
Bà Phan Thị Mỹ Linh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/4/2012)
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Vũ Tam Đạo	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/4/2012)
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên
Ông Viễn Đông	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/4/2012)

#### Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khương Chi Chăm	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

### 4. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000091 ngày 09 tháng 12 năm 2009 thì hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 26.

### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

### 8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

### 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

### 10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời kỳ đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

---

**Trịnh Bửu Tuấn**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Số: 93/DFK - BCSX

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2012 từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**P. GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

---

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

---

**TRƯƠNG THỊ CÁT TRÂM**

Chứng chỉ KTV số: 1764/KTV

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>95,857,076,175</b>	<b>107,496,237,595</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>4,745,949,338</b>	<b>5,317,719,986</b>
1. Tiền	111		4,745,949,338	5,317,719,986
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.02	<b>237,228,000</b>	<b>176,958,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		769,000,000	769,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(531,772,000)	(592,042,000)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>15,622,716,757</b>	<b>13,728,798,243</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15,922,859,469	13,957,038,523
2. Trả trước cho người bán	132		494,424,784	711,855,949
3. Các khoản phải thu khác	135		795,736,393	627,433,825
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,590,303,889)	(1,567,530,054)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>74,943,241,885</b>	<b>87,954,517,147</b>
1. Hàng tồn kho	141		77,295,296,885	88,660,607,147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,352,055,000)	(706,090,000)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>307,940,195</b>	<b>318,244,219</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		38,814,140	38,814,140
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		269,126,055	279,430,079
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>37,864,417,560</b>	<b>45,653,396,171</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>32,756,013,795</b>	<b>40,492,191,151</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	32,756,013,795	40,492,191,151
- Nguyên giá	222		242,613,370,057	242,968,511,378
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209,857,356,262)	(202,476,320,227)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.07	<b>4,950,000,000</b>	<b>4,950,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		3,030,000,000	3,030,000,000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>158,403,765</b>	<b>211,205,020</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	158,403,765	211,205,020
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133,721,493,735</b>	<b>153,149,633,766</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>75,868,861,972</b>	<b>99,702,557,009</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71,350,487,930</b>	<b>94,818,226,659</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	31,120,342,083	43,260,147,233
2. Phải trả người bán	312	V.10	28,419,391,915	40,356,341,428
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	3,768,565,714	3,034,659,829
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	668,174,560	425,093,519
5. Phải trả người lao động	315	V.12	5,227,646,065	5,594,469,506
6. Chi phí phải trả	316	V.13	516,938,635	475,889,693
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	1,383,588,070	1,407,044,563
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		245,840,888	264,580,888
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	V.15	<b>4,518,374,042</b>	<b>4,884,330,350</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		4,375,000,000	4,810,000,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		143,374,042	74,330,350
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.16	<b>57,852,631,763</b>	<b>53,447,076,757</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>57,852,631,763</b>	<b>53,447,076,757</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424,272,909	424,272,909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652,100,000)	(652,100,000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,468,736,977	5,468,736,977
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,487,865,606	1,487,865,606
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100,000,000	100,000,000
9. Lỗ sau thuế chưa phân phối	420		(9,213,368,429)	(13,618,923,435)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133,721,493,735</b>	<b>153,149,633,766</b>

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	60,100,728	60,100,728
5. Ngoại tệ các loại		
+ USD	61,534.28	106,806.92
+ EUR	14,500.00	22,47
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương  
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1		<b>178,573,822,394</b>	<b>152,058,082,218</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		575,752,079	745,716,548
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.01	<b>177,998,070,315</b>	<b>151,312,365,670</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	161,518,061,596	139,641,732,190
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>16,480,008,719</b>	<b>11,670,633,480</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	192,153,880	27,558,266
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2,851,441,551	4,026,967,478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,826,382,352	3,908,777,478
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	4,551,577,958	2,928,146,404
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	4,891,315,357	4,736,480,078
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>4,377,827,733</b>	<b>6,597,786</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	27,727,273	208,565,978
12. Chi phí khác	32		-	28,379,410
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>27,727,273</b>	<b>180,186,568</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4,405,555,006</b>	<b>186,784,355</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4,405,555,006</b>	<b>186,784,355</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.09	<b>742</b>	<b>31</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương  
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4,405,555,006</b>	<b>186,784,355</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	7,736,177,356	6,408,306,055
Các khoản dự phòng	03	1,608,468,835	386,374,822
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	111,700,136
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(145,306,560)	(31,906,130)
Chi phí lãi vay	06	2,826,382,352	3,908,777,478
<b>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16,431,276,989</b>	<b>10,970,036,716</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(1,916,692,349)	(4,901,537,217)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	11,365,310,262	10,528,914,201
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(12,210,828,522)	4,328,078,438
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	52,801,255	(207,822,767)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2,309,443,717)	(3,434,639,630)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11,422,727,942</b>	<b>17,283,029,741</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(2,285,417,325)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27,727,273	32,727,273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	117,579,287	27,558,266
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>145,306,560</b>	<b>(2,225,131,786)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	136,243,403,752	116,784,332,920
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(148,383,208,902)	(130,672,128,066)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12,139,805,150)</b>	<b>(13,887,795,146)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(571,770,648)</b>	<b>1,170,102,809</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5,317,719,986	3,579,590,966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4,745,949,338</b>	<b>4,749,693,775</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương  
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 8 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4703000091 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 ngày 09/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTC.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.923.480.000 đồng.

#### 2 Tên giao dịch, trụ sở hoạt động

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company.

- Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

#### 3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và mua bán các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

#### 5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/6/2012:     người.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### IV Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

##### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 14 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

## 7. Đầu tư tài chính

### Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### 9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và y tế.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 13. Ghi nhận doanh thu

Khi bán thành phẩm, hàng hoá doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

### 14. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 15. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2012	01/01/2012
Tiền mặt	562,827,070	462,844,133
Tiền gửi ngân hàng	(*) 4,183,122,268	4,854,875,853
<b>Cộng</b>	<b>4,745,949,338</b>	<b>5,317,719,986</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>(*) Bao gồm:</b>	<b>30/6/2012</b>
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	2,518,723,839
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (61,534.28 USD)	1,281,635,984
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (14,500.00 EUR)	382,762,445
<b>Cộng</b>	<b><u>4,183,122,268</u></b>

<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Đầu tư ngắn hạn	(2.1) <u>769,000,000</u>	<u>769,000,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>769,000,000</u></b>	<b><u>769,000,000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.2) <u>(531,772,000)</u>	<u>(592,042,000)</u>
<b>Giá trị thuần khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b><u>237,228,000</u></b>	<b><u>176,958,000</u></b>

(2.1): Bao gồm khoản đầu tư mua cổ phiếu là 741.000.000 đồng và khoản đầu tư mua 28 trái phiếu chuyển đổi (mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, lãi suất 8%/năm) có kỳ hạn 1 năm của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh với thời hạn chuyển đổi từ trái phiếu thành cổ phiếu là từ ngày 02/8/2011 đến ngày 31/12/2011.

Tính đến ngày 30/6/2012, khoản đầu tư mua 28 trái phiếu của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh vẫn chưa được chuyển đổi thành cổ phiếu (Tỷ lệ chuyển đổi là: 1 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành 72 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

(2.2): Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng tồn	Đơn giá tồn bình quân	Giá trị đầu tư	Đơn giá thị trường	Số dư dự phòng
REE	6,160	44,156	272,000,000	15,800	(174,672,000)
DHA	4,500	45,111	203,000,000	11,000	(153,500,000)
SSI	3,000	88,667	266,000,000	20,800	(203,600,000)
<b>Cộng</b>	<b><u>13,660</u></b>		<b><u>741,000,000</u></b>		<b><u>(531,772,000)</u></b>

<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Phải thu khách hàng	(3.1) <u>15,922,859,469</u>	<u>13,957,038,523</u>
Trả trước cho người bán	(3.2) <u>494,424,784</u>	<u>711,855,949</u>
Phải thu khác	(3.3) <u>795,736,393</u>	<u>627,433,825</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>17,213,020,646</u></b>	<b><u>15,296,328,297</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	<u>(1,590,303,889)</u>	<u>(1,567,530,054)</u>
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b><u>15,622,716,757</u></b>	<b><u>13,728,798,243</u></b>

<b>(3.1) Bao gồm:</b>	<b>30/6/2012</b>
Khoản phải thu khách hàng bằng VND	13,709,551,221
Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (106,266.00 USD)	2,213,308,248
	<b><u>15,922,859,469</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>(3.2) Bao gồm:</b>	<b>30/6/2012</b>				
Trả trước cho người bán bằng VND	127,851,984				
Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ (17,600.00 USD)	366,572,800				
<b>Cộng</b>	<b>494,424,784</b>				
<b>(3.3) Bao gồm:</b>	<b>30/6/2012</b>				
Khoản tiền cho mượn thanh toán, không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên	487,323,200				
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	62,210,932				
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng	97,802,261				
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân viên, phí triển lãm	42,400,000				
Phải thu Công ty Cổ phần Cosesco khoản cổ tức năm 2011 được chia	105,000,000				
Các khoản phải thu khác	1,000,000				
<b>Cộng</b>	<b>795,736,393</b>				
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>			
Nguyên vật liệu	24,762,952,981	26,284,963,282			
Công cụ dụng cụ	2,050,273,701	2,001,711,493			
Thành phẩm	50,409,560,792	60,301,422,961			
Hàng hoá	72,509,411	72,509,411			
<b>Cộng</b>	<b>77,295,296,885</b>	<b>88,660,607,147</b>			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,352,055,000)	(706,090,000)			
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>74,943,241,885</b>	<b>87,954,517,147</b>			
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/6/2012</b>	<b>01/01/2012</b>			
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	38,814,140	38,814,140			
Tạm ứng đến nhân viên Công ty	149,126,055	159,430,079			
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120,000,000	120,000,000			
<b>Cộng</b>	<b>307,940,195</b>	<b>318,244,219</b>			
<b>6. Tài sản cố định hữu hình</b>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Tổng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25,412,955,331	210,531,238,174	6,738,080,221	286,237,652	242,968,511,378
Tăng	-	-	-	-	-
Giảm	-	-	355,141,321	-	355,141,321
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25,412,955,331</b>	<b>210,531,238,174</b>	<b>6,382,938,900</b>	<b>286,237,652</b>	<b>242,613,370,057</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	18,497,377,853	179,268,046,138	4,424,658,584	286,237,652	202,476,320,227
Tăng	717,147,211	6,822,070,564	196,959,581	-	7,736,177,356
Giảm	-	-	355,141,321	-	355,141,321
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19,214,525,064</b>	<b>186,090,116,702</b>	<b>4,266,476,844</b>	<b>286,237,652</b>	<b>209,857,356,262</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	6,915,577,478	31,263,192,036	2,313,421,637	-	40,492,191,151
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6,198,430,267</b>	<b>24,441,121,472</b>	<b>2,116,462,056</b>	<b>-</b>	<b>32,756,013,795</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.025.100.057 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tài sản cố định có giá trị còn lại là 25.650.234.864 đồng được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại mục thuyết minh số V. (09)

Nguyên giá tài sản cố định giảm do thanh lý.

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		30/6/2012	01/01/2012
Đầu tư vào công ty liên kết	(7.1)	1,920,000,000	1,920,000,000
Đầu tư dài hạn khác	(7.2)	3,030,000,000	3,030,000,000
<b>Cộng</b>		<b>4,950,000,000</b>	<b>4,950,000,000</b>

(7.1): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, chiếm 24% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 8 tỷ đồng). Trong thời tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư này.

(7.2): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng (trong đó, 290.000 cổ phiếu mang tên Công ty và 10.000 cổ phiếu mang tên Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám đốc Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 62/NQ-HĐQT ngày 24/9/2007) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 6% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty nhận được khoản cổ tức của năm 2011 là 105.000.000 đồng từ khoản đầu tư này.

8. Chi phí trả trước dài hạn		30/6/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	(*)	158,403,765	211,205,020
<b>Cộng</b>		<b>158,403,765</b>	<b>211,205,020</b>

(\*) Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ.

9. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn bằng VND		27,320,342,083	38,960,147,233
Nợ dài hạn đến hạn trả		3,800,000,000	4,300,000,000
<b>Cộng</b>		<b>31,120,342,083</b>	<b>43,260,147,233</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Chi tiết các khoản nợ vay phát sinh trong kỳ:

Vay từ	01/01/2012	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	30/6/2012
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai bằng VND (9.1)	38,960,147,233	136,243,403,752	147,883,208,902	27,320,342,083
Nợ dài hạn đến hạn trả (9.2)	4,300,000,000	-	500,000,000	3,800,000,000
<b>Cộng</b>	<b>43,260,147,233</b>	<b>136,243,403,752</b>	<b>148,383,208,902</b>	<b>31,120,342,083</b>

(9.1): Vay từ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2012/HĐ ngày 21/5/2012 với hạn mức tín dụng là 58 tỷ đồng (bao gồm vay bằng VND và ngoại tệ), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời gian cấp mức hạn mức tín dụng này là 12 tháng kể từ ngày 21/5/2012, thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ (lãi suất vay tại ngày 30/6/2012 từ 14,2% đến 15%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại tại thời điểm 30/6/2012 là: 25.650.234.864 đồng.

(9.2): Phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1.

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		30/6/2012	01/01/2012
Phải trả cho người bán	(10.1)	28,419,391,915	40,356,341,428
Người mua trả tiền trước	(10.2)	3,768,565,714	3,034,659,829
<b>Cộng</b>		<b>32,187,957,629</b>	<b>43,391,001,257</b>

#### (10.1) Bao gồm:

Phải trả người bán bằng VND	(*)	26,734,821,020
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (2,935.00 USD)		61,130,180
Phải trả người bán bằng ngoại tệ (61,500.00 EUR)		1,623,440,715
<b>Cộng</b>		<b>28,419,391,915</b>

(\*): Trong đó, bao gồm số dư phải trả các bên liên quan là: 2.854.826.451 đồng.

#### (10.2) Bao gồm:

Người mua trả tiền trước bằng VND	2,850,877,786
Người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ (44,060.30 USD)	917,687,928
<b>Cộng</b>	<b>3,768,565,714</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		30/6/2012	01/01/2012
Thuế GTGT đầu ra		646,184,710	421,969,941
Thuế TNCN phải nộp		21,989,850	3,123,578
<b>Cộng</b>		<b>668,174,560</b>	<b>425,093,519</b>

12. Phải trả công nhân viên		30/6/2012	01/01/2012
Lương nhân viên còn phải trả		5,227,646,065	5,594,469,506
<b>Cộng</b>		<b>5,227,646,065</b>	<b>5,594,469,506</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí phải trả	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí lãi vay còn phải trả	516,938,635	475,889,693
<b>Cộng</b>	<b>516,938,635</b>	<b>475,889,693</b>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/6/2012	01/01/2012
(*)	<b>1,383,588,070</b>	<b>1,407,044,563</b>

**(\*) Bao gồm:**

Kinh phí công đoàn	497,251,570
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	336,065,863
Khoản thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550,270,637
<b>Cộng</b>	<b>1,383,588,070</b>

15. Nợ dài hạn	30/6/2012	01/01/2012
(*)	<b>4,518,374,042</b>	<b>4,884,330,350</b>

**(\*) Bao gồm:**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,375,000,000
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (*)	3,800,000,000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3,800,000,000)
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	143,374,042
<b>Cộng</b>	<b>4,518,374,042</b>

(\*): Vay dài hạn từ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo hợp đồng vay vốn số 02/07/HĐVVV-TTHANH ngày 25/12/2006 với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Ngày đáo hạn của khoản vay này là 31/12/2011, lãi suất vay là 0,2%/tháng. Khoản vay này là vay tín chấp.

### 16. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/6/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59,923,480,000	-	-	59,923,480,000
Thặng dư vốn cổ phần	313,744,700	-	-	313,744,700
Vốn khác của chủ sở hữu	424,272,909	-	-	424,272,909
Cổ phiếu quỹ	(652,100,000)	-	-	(652,100,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	5,468,736,977	-	-	5,468,736,977
Quỹ dự phòng tài chính	1,487,865,606	-	-	1,487,865,606
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100,000,000	-	-	100,000,000
Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối	(13,618,923,435)	4,405,555,006	-	(9,213,368,429)
<b>Cộng</b>	<b>53,447,076,757</b>	<b>4,405,555,006</b>	<b>-</b>	<b>57,852,631,763</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### a. Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 30/6/2012
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	34.04%	20,400,000,000	20,400,000,000
Các cổ đông khác	65.96%	39,523,480,000	39,523,480,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>59,923,480,000</b>	<b>59,923,480,000</b>

### b. Cổ phiếu

	Kỳ này	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5,992,348	5,992,348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu thường	5,992,348	5,992,348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	51,820	51,820
- Cổ phiếu thường	51,820	51,820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu thường	5,940,528	5,940,528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

## VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	178,573,822,394	152,058,082,218
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	575,752,079	745,716,548
- Chiết khấu thương mại	324,551,468	202,113,636
- Hàng bán bị trả lại	251,200,611	232,589,753
- Giảm giá hàng bán	-	311,013,159
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>177,998,070,315</b>	<b>151,312,365,670</b>

2. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	159,166,006,596	139,641,732,190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2,352,055,000	-
<b>Cộng</b>	<b>161,518,061,596</b>	<b>139,641,732,190</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	12,579,287	17,246,266
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105,000,000	10,312,000
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	60,270,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	14,304,593	-
<b>Cộng</b>	<b>192,153,880</b>	<b>27,558,266</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	2,826,382,352	3,908,777,478
Lỗ chênh lệch tỷ giá	25,059,199	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	118,190,000
<b>Cộng</b>	<b>2,851,441,551</b>	<b>4,026,967,478</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1,125,924,955	832,622,887
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,569,540	7,569,540
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc	15,264,876	8,796,904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,371,203,892	1,484,288,836
Chi phí khác	1,031,614,695	594,868,237
<b>Cộng</b>	<b>4,551,577,958</b>	<b>2,928,146,404</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	2,325,486,940	1,728,860,192
Chi phí vật liệu, dụng cụ và đồ dùng văn phòng	181,546,563	118,392,603
Chi phí khấu hao TSCĐ	76,597,474	122,834,496
Chi phí dự phòng	22,773,835	638,116,648
Thuế, phí và lệ phí	967,675,908	578,073,441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211,994,533	209,756,477
Chi phí khác	1,105,240,104	1,340,446,221
<b>Cộng</b>	<b>4,891,315,357</b>	<b>4,736,480,078</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	27,727,273	32,727,273
Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	-	175,838,705
<b>Cộng</b>	<b>27,727,273</b>	<b>208,565,978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012	
<b>8.</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
	<b>Lãi kế toán trước thuế</b>		4,405,555,006
	Cộng các khoản chi phí không được trừ		892,282,954
	Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia		(105,000,000)
	Trừ lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
	Trừ lỗ các năm trước chuyển sang		(5,192,837,960)
	<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay</b>		-
	Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		-
	Thuế TNDN được giảm ước tính		-
	<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính</b>		-
<hr/>			
			Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012
<b>9.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,405,555,006
	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
	- Các khoản điều chỉnh tăng		-
	- Các khoản điều chỉnh giảm (lỗ lũy kế)		-
	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		4,405,555,006
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		5,940,528
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		<b>742</b>
<hr/>			
<b>10.</b>	<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo các yếu tố</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	115,949,787,666	103,556,406,701
	Chi phí nhân công	17,808,401,470	12,776,205,078
	Chi phí khấu hao TSCĐ	7,736,177,356	6,408,306,055
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,004,196,115	10,809,666,991
	Chi phí khác	4,180,386,866	3,980,847,451
	<b>Cộng</b>	<b>159,678,949,473</b>	<b>137,531,432,276</b>

**VII. Thông tin khác**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không còn bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (Fico)	Nhà đầu tư	Hoàn trả khoản nhận hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cấp tay nghề công nhân	500,000,000
Công ty Cơ khí Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	538,180,000
		Thanh toán tiền hàng	675,455,000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	103,400,000
		Thanh toán tiền hàng	103,400,000
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	2,025,546,519
		Thanh toán tiền hàng	2,489,027,791
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	9,143,538,262
		Thanh toán tiền hàng	10,426,471,993

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (Fico)	Nhà đầu tư	Phải thu (khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo)	22,400,000
		Khoản thanh toán hộ phí triển lãm	20,000,000
		Phải trả (Gốc vay)	3,800,000,000
		Phải trả (Lãi vay)	516,938,635
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	631,352,151
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả (mua hàng)	2,223,474,300

## VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 1. Rủi ro thị trường

#### 1.1 Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 30/6/2012			
	Tiền gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	61,534.28	14,500.00	1,281,635,984	382,762,445
Phải thu khách hàng và phải thu khác	123,866.00	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>185,400.28</b>	<b>14,500.00</b>	<b>1,281,635,984</b>	<b>382,762,445</b>
<b>Nợ tài chính</b>				
Gửi và người bán và các khoản nợ vay khác	46,995.30	61,500.00	978,818,108	1,623,440,715
<b>Tổng cộng</b>	<b>46,995.30</b>	<b>61,500.00</b>	<b>978,818,108</b>	<b>1,623,440,715</b>
<b>Mức rủi ro tiền tệ</b>	<b>138,404.98</b>	<b>(47,000.00)</b>	<b>302,817,875</b>	<b>(1,240,678,270)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ cao/(thấp) hơn một khoản là 30.281.788 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (124.067.827) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

### 1.2 Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

### 1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 30/6/2012

### Tài sản có lãi suất

Tiền gửi Ngân hàng	4,183,122,268
Cho vay (có lãi suất)	-
<b>Tổng</b>	<b>4,183,122,268</b>

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 83.662.445 đồng (A).

### Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay	31,120,342,083
Các khoản phải trả khác có lãi suất	-
<b>Tổng</b>	<b>31,120,342,083</b>

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 622.406.842 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (538.744.396) đồng.

## 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

### Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

### Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 15.710.656.952 đồng Việt Nam.

### Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 30/6/2012
Tổng gộp	1,810,303,889
Trừ dự phòng giảm giá trị	(1,590,303,889)
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu này</b>	<b>220,000,000</b>

### Dự phòng giảm giá trị

Số dư đầu năm (01/01/2012)	(1,567,530,054)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(22,773,835)
Xóa sổ do đã thu hồi công nợ	-
<b>Số dư cuối kỳ (30/6/2012)</b>	<b>(1,590,303,889)</b>

### 3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các đồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	31,120,342,083	-	31,120,342,083
Phải trả người bán	28,419,391,915	-	28,419,391,915
Người mua trả tiền trước	3,768,565,714	-	3,768,565,714
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	668,174,560	-	668,174,560
Phải trả người lao động	5,227,646,065	-	5,227,646,065
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1,900,526,705	-	1,900,526,705
<b>Tổng cộng</b>	<b>71,104,647,042</b>	<b>-</b>	<b>71,104,647,042</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ không cao. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình ( Mục số 6 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác ề gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 30/6/2012	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>					
Chứng khoán vốn niêm yết	769,000,000	-	(531,772,000)	237,228,000	(531,772,000)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-	-
Cho vay ngắn hạn	-	-	-	-	-
<b>Các đầu tư dài hạn khác</b>					
Chứng khoán vốn niêm yết	-	-	-	-	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4,950,000,000	-	-	4,950,000,000	-
Cho vay dài hạn	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,719,000,000</b>	<b>-</b>	<b>(531,772,000)</b>	<b>5,187,228,000</b>	<b>(531,772,000)</b>

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá trị thuần của đơn vị nhận đầu tư.

Người lập biểu

Châu Thị Diệu Phương  
Kế toán trưởng

Trần Hưng Lương  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012